

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 05 tháng 4 năm 2019  
*V/v tranh chấp “Ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Quý Quốc.
2. Ông Lê Văn Kiệt.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Đình Hoài D**, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường N, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Hữu G**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường N, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị D, vắng mặt anh G)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Đình Hoài D trình bày: Chị và anh Bùi Hữu G kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23/11/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng hay có những bất đồng trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ đó tính cảm ngày càng rạn nứt, mặc dù đã nhiều lần hàn

gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Hữu G.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/01/2017. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thi, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2019, bị đơn anh Bùi Hữu G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/01/2017. Anh đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh G hiện đang cai nghiện tại Cơ sở hỗ trợ và điều trị cai nghiện tỉnh Tiền Giang nên xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

\* Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Đình Hoài D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh G, về con chung giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Đình Hoài D và anh Bùi Hữu G kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96/2016, ngày 23/11/2016. Ngày 31/01/2019 chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Bùi Hữu G cư trú tại số Số B, đường C, Phường N, Tp M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Bùi Hữu G có lời khai xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đình Hoài D và anh Bùi Hữu G được Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị D và anh G là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp nên dẫn đến nhiều bất đồng, cãi vã trong cuộc sống. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Lâu ngày tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hiện nay cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, anh G hiện đang cai nghiện tại Cơ sở hỗ trợ và điều trị cai nghiện tỉnh Tiền Giang, nhưng có lời khai đồng ý ly hôn với chị D. Hiện tại chị D không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh G nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy đời sống vợ chồng giữa chị D và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/01/2017. Tại phiên tòa chị D yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G cũng có lời khai đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T hiện nay còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu cần giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 9, 11, 85, 87, 89, 91, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Đình Hoài D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đình Hoài D được ly hôn với anh Bùi Hữu G;

- Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/01/2017 cho chị Nguyễn Đình Hoài D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Bùi Hữu G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Đình Hoài D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013833 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND Phường N, Tp M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Trần Thị Thúy Hằng**

